TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 870/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/8/2018
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lý

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Lê – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1262/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 262/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Lê Thị Thu H, sinh năm 1987

Thường trú: Đường B, khu phố S, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: đường K, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1987

Thường trú: Đường B, khu phố S, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Bùi Lê Thị Thu H trình bày:

Bà Bùi Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Văn Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 08/02/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ Đường B, khu phố S, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ban đầu, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc, sau khi sinh con được 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông Q cọc cằn, có nhiều lời lẽ xúc phạm vợ, vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Bà H đã nhiều lần cho ông Q cơ hội hàn

gắn mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có kết quả và hai bên đã ly thân từ tháng 11/2017 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, ông Q có đề nghị bà H cho thêm cơ hội hàn gắn gia đình nhưng lần này bà H dứt khoát không thể đoàn tụ được vì bà H đã cho ông Q nhiều cơ hội nhưng ông Q vẫn không thay đổi. Tại Tòa, bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Bà H và ông Q có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc An T, sinh ngày 18/4/2011, bà H đồng ý giao con chung cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Bị đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Q và bà H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 08/02/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ Đường B, khu phố S, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ban đầu, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc, ông Q rất thương vợ con, trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng luôn dung hòa tình cảm cho nhau. Tuy nhiên, từ tháng 8/2017 thì bà H thường đi làm về trễ và có vài lần đi qua đêm. Ông Q có hỏi thì bà H nói đi vui chơi với đồng nghiệp, bạn bè. Theo ông Q, nguyên nhân bà H yêu cầu ly hôn là do ông Q phát hiện bà H vào khách sạn với người đàn ông khác nên bà H mất mặt với gia đình. Bà H tự ý bỏ nhà đi sống riêng từ tháng 11/2017 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, ông Q có đề nghị bà H cho thêm cơ hội hàn gắn gia đình nhưng bà H không đồng ý. Nay, ông Q xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không muốn gia đình tan vỡ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông Q và bà H có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc An T, sinh ngày 18/4/2011. Trường hợp phải ly hôn thì ông Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

3. Tại phiên tòa:

Bà Bùi Lê Thị Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về quan hệ hôn nhân: Bà H kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông Q vì tình cảm vợ chồng đã không còn và vợ chồng đã không còn chung sống từ tháng 11/2017 cho đến nay; Về con chung: Bà H đồng ý giao con chung tên Nguyễn Ngọc An T, sinh ngày 18/4/2011 cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ông Nguyễn Văn Q đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

4.1 Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời, quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

4.2 Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Bùi Lê Thị Thu H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Q. Bị đơn ông Q hiện đang cư ngụ tại Đường B, khu phố S, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp là ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Bị đơn ông Q đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Q.

2. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Bùi Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Văn Q tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 08 tháng 02 năm 2010. Do đó, căn cứ quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Q là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà Bùi Lê Thị Thu H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà H cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do ông Q có nhiều lời lẽ xúc phạm bà H, vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Bà H khẳng định không thể tiếp tục chung sống với ông Q, tình cảm vợ chồng đã không còn và kiên quyết ly hôn với ông Q, cho dù vợ chồng có chung sống lại thì cũng không thể có hạnh phúc, chỉ ảnh hưởng xấu có đến con, đồng thời hai bên đã ly thân từ tháng 11/2017 cho đến nay.

Phía ông Q đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông Q vẫn vắng mặt không rõ lý do, điều này thể hiện ông Q không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng, để mặc quan hệ hôn nhân, không quan tâm đến ý kiến của bà H.

Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông Q phát sinh do vợ chồng không có sự quan tâm, thương yêu, chia sẻ với nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung. Hơn nữa, không bên nào có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng và hiện hai bên đã không còn chung sống với nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà H và ông Q đã thật sự trầm trọng,

khả năng hàn gắn đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

- Về con chung: Bà H và ông Q có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc An T, sinh ngày 18/4/2011.

Xét, ông Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Theo Kết quả xác minh của Phòng Lao động Thương binh và Xã hội quận Thủ Đức thì ông Q hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc An T. Con chung Nguyễn Ngọc An T có nguyện vọng muốn ở với ba là ông Q. Đồng thời, bà H cũng đồng ý giao con chung cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thống nhất của ông Q và bà H, giao con chung Nguyễn Ngọc An T cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Q không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do đây là vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn nên bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9, 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Lê Thị Thu H.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Bùi Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Văn Q.

1.2 Về con chung: Ghi nhận sự thống nhất giữa bà Bùi Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Văn Q, giao con chung tên Nguyễn Ngọc An T, sinh ngày 18/4/2011 cho ông Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn Q không yêu cầu bà Bùi Lê Thị Thu H cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Lê Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0037642 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Bùi Lê Thị Thu H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Lê Thị Thu H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- VKSND quận Thủ Đức, TPHCM;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức, TPHCM;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương Châu